TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỒNG PHÚ
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 52/2023/HNGĐ-ST
Ngày 02/8/2023
Về việc: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG PHÚ- TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông **Nguyễn Nguyên Hoàng**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Hiệp**
Ông **Lê Văn Trung**

- *Thư ký ghi biên bản phiên toà:* Ông **Trương Văn Phương** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa*: Ông **Đoàn Lương Hoàng** – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 42/2023/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2023 về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/6/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2023/QĐST-HNGĐ ngày 17/7/2023, giữa:

*Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị T**, sinh năm 1988 (xin vắng mặt)
Nơi cư trú: tổ 2, khu phố L, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Phước.
*Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1985 (vắng mặt)
Nơi cư trú: Tổ 43, ấp D, xã T, huyện P, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Bùi Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Văn D chung sống với nhau một cách tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Tiến, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước vào năm 2007.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh D thường xuyên đánh bài về nhà gây sự với vợ con, dùng bạo lực với vợ con, không lo tu chí làm ăn để xây dựng kinh tế gia đình làm cho cuộc sống gia đình luôn bất hòa, không có hạnh phúc. Bản thân chị T đã nhiều lần khuyên bảo và tha thứ nhưng anh D

vẫn không thay đổi, làm cho cuộc sống gia đình không còn hạnh phúc. Nay, chị T xác định tình cảm giành cho anh D đã hết nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Nguyễn Văn D.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Quá trình chung sống có 02 con chung tên là cháu Nguyễn Anh Đ, sinh ngày 22/10/2007 và cháu Nguyễn Đức A, sinh ngày 19/4/2017. Khi ly hôn, do cháu Đức đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Anh thì vợ chồng tự thỏa thuận việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra không có yêu cầu nào khác.

-Bị đơn anh Nguyễn Văn D vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự có ý kiến như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thâm nhân dân, Thư ký Tòa án và nguyên đơn đã thực hiện đúng và đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị T với anh Nguyễn Văn D.

Về con chung, cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác: Không xem xét giải quyết, do các bên không có yêu cầu.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của các bên đương sự, kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

1.Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn chị Bùi Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Nguyễn Văn D và không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung, tài sản chung. Vì vậy, đây là vụ án "Ly hôn" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: do bị đơn là anh Nguyễn Văn D cư trú tại tổ 43, ấp D, xã T, huyện P, tỉnh Bình Phước, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã giao, tống đạt hợp lệ các Thông báo, Quyết định tố tụng cho nguyên đơn và bị đơn nhưng bị đơn anh Nguyễn Văn D vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án không có lý do. Xét cần áp

dụng Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn D là phù hợp.

3. Yêu cầu của đương sự:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Văn D chung sống với nhau tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện P, tỉnh Bình Phước vào năm 2007 *(Theo giấy chứng nhận kết hôn số 47, quyển số 02/2006)*. Xét đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, tuân thủ đầy đủ các quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Trong quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn cho đến nay. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, không có sự tin tưởng, chia sẻ, quan tâm, anh D không lo làm ăn và không quan tâm đến gia đình nên dẫn đến vợ chồng sống không có hạnh phúc. Chị T và anh D không tìm được cách giải quyết những mâu thuẫn phát sinh trong cuộc sống, dẫn đến vợ chồng sống ly thân. Chị T xác định tình cảm vợ chồng thực sự đã hết nên cương quyết xin ly hôn với anh D.

Về phía anh Nguyễn Văn D, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập anh D nhiều lần để hòa giải, hàn gắn mối quan hệ vợ chồng giữa các bên nhưng anh D không tham gia, chứng tỏ anh D không có thiện chí cùng chị T đoàn tụ gia đình.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh D đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 tuyên xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn D là phù hợp.

[2] Về con chung: Có 02 con chung tên là cháu Nguyễn Anh Đ, sinh ngày 22/10/2007 và cháu Nguyễn Đức A, sinh ngày 19/4/2017.

[3] Về yêu cầu nuôi con, cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và các vấn đề khác: đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Ý kiến của đại diện Viên kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm các bên phải nộp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 51, 53, 54, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

***1. Về hôn nhân*:** Tuyên xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn D.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên là cháu Nguyễn Anh Đ, sinh ngày 22/10/2007 và cháu Nguyễn Đức A, sinh ngày 19/4/2017.

3. Về yêu cầu nuôi con, cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và các vấn đề khác: Không xem xét giải quyết do không có yêu cầu.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn chị Bùi Thị T phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0019185 ngày 10/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Đồng Phú;
- THA huyện Đồng Phú;
- UBND xã Tân Tiến;
- Các đương sự;
- Lưu.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Nguyên Hoàng